

CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ TRONG ĐIỀU KIỆN LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Ths. Nghiêm Văn Bảy

Giảng viên Khoa NH-BH

Lạm phát là hiện tượng kinh tế xảy ra tất yếu trong nền kinh tế thị trường, thích nghi với lạm phát và tác động nhằm kiểm chế lạm phát là một trong các yêu cầu cơ bản của chính sách tiền tệ quốc gia. Việt Nam - một nền kinh tế thị trường chưa hoàn chỉnh đang đương đầu với tình trạng lạm phát cao không phải là một ngoại lệ. Tuy nhiên, điều cốt lõi trong chính sách tiền tệ hiện nay ở Việt Nam không chỉ là chống lạm phát mà còn phải đồng thời thiết lập được những cân đối kinh tế vĩ mô cần thiết khác để tạo dựng sự ổn định mới trong điều kiện mới.

Tình hình kinh tế - xã hội.

- Giá trị sản xuất công nghiệp tính đến tháng 8/2008 đạt hơn 56.000 tỷ đồng tăng 16,1% so với cùng thời điểm năm trước trong đó khu vực DNNN tăng 6,5%, khu vực ngoài nhà nước tăng 21,7%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,7%. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, dịch bệnh được khống chế. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội 8

tháng đạt 609,2 nghìn tỷ đồng tăng 30% so với cùng kỳ năm 2007 kim ngạch xuất khẩu tháng 8 đạt 6.100 triệu USD giảm 6,8% so với tháng 7/2008. Tính chung cả 8 tháng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 43.321 triệu USD tăng 39,1% so với cùng kỳ năm 2007. Kim ngạch nhập khẩu tháng 8/2008 ước đạt 7000 triệu USD, tính chung cả 8 tháng đạt 59.286 triệu USD tăng 54,1% so với cùng kỳ. Nhập siêu 8 tháng ở mức 15.965 triệu USD bằng 36,5% kim ngạch xuất khẩu và đang có xu hướng giảm dần.

- Tình hình thực hiện vốn đầu tư từ NSNN 8 tháng ước đạt 56 nghìn tỷ đồng, đạt 57,1% kế hoạch năm. Vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước tính đến hết tháng 8/2008, ước khoảng 15,6 nghìn tỷ đồng, đạt 63,6% kế hoạch năm, trong đó tín dụng từ nguồn trong nước chỉ đạt 9 nghìn tỷ đồng, bằng 33,5% kế hoạch năm, nguồn vốn ODA cho vay lại đạt 4 nghìn tỷ đồng bằng 44,4% kế hoạch năm, dư nợ bình quân tín dụng hỗ trợ xuất khẩu đạt 12,6 nghìn tỷ đồng bằng 21,5% kế hoạch năm. Vốn

đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện trong tháng 8 khoảng 1 tỷ USD đưa tổng vốn đầu tư nước ngoài 8 tháng đầu năm lên 7 tỷ USD tăng 32,1% so với cùng kỳ năm 2007 và tương ứng đạt 70% mức dự kiến cả năm. Tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép mới và tăng thêm trong 8 tháng đầu năm 2008 là 47,2 tỷ USD tăng 349,7% so với năm 2007. Thu hút vốn ODA... nguồn vốn ODA đã được hợp thức hoá thông qua các hiệp định ký kết với các nhà tài trợ đạt tổng giá trị 1.669 triệu USD, tính chung 8 tháng đầu năm 2008 giá trị giải ngân ODA đạt 1.307 triệu USD bằng 69% kế hoạch giải ngân năm 2008. Tổng thu NSNN từ đầu năm đến hết ngày 15/8/2008 ước đạt 78,9% dự toán năm, tổng chi NSNN từ đầu năm đến ngày 15/8/2008 ước đạt 66,7% dự toán năm.

- Về tiền tệ - tín dụng - ngân hàng: Trong 8 tháng tình hình đã dần đi vào ổn định, nhiều NHTM đã hạ lãi suất huy động vốn và cho vay. Tổng phương tiện thanh toán đến ngày 31/8/2008 ước tăng 0,84% so với tháng 7/2008 và tăng 5,77% so với 12/2007. Nguồn vốn huy động đến ngày

31/8/2008 ước tăng 0,94% so với ngày 31/7/2007 và tăng 10,25% so với ngày 31/12/2007, trong đó tiền gửi VND tăng 5,99%, bằng ngoại tệ tăng 24,88%. Dự nợ cho vay toàn nền kinh tế đến 31/8/2008 ước tăng 0,56% so với ngày 31/7/2008 và tăng 17,54% so với ngày 31/12/2007, trong đó cho vay VND tăng 17,8%, cho vay bằng ngoại tệ tăng 16,4%.

Sang năm 2008 tình hình lạm phát có xu hướng tăng nhanh và cao hơn cả năm 2007, tính đến 8 tháng đầu năm 2008 lạm phát đạt ở mức 21,65% cao hơn mức 6,78% cùng kỳ năm 2007, lạm phát bình quân tăng 22,1%, cao hơn mức 7,4% cùng kỳ năm 2007 trong đó cả lạm phát nhóm lương thực thực phẩm và phi lương thực thực phẩm đều tăng mạnh tương ứng từ 9,46% lên 32,68% và từ 4,7% lên 12,2%, tuy nhiên nhóm lương thực thực phẩm đóng góp khoảng 80% mức tăng của lạm phát (lương thực thực phẩm trong số hàng hoá sử dụng để tính CPI).

Chính sách tiền tệ trong điều kiện lạm phát cao

Trước tình hình lạm phát trên thế giới và trong nước tăng cao, Chính phủ đã xác định kiểm chế lạm phát là mục tiêu ưu tiên hàng đầu và tập trung chỉ đạo thực hiện với 8 nhóm giải pháp. Cho đến nay đã đạt được kết quả tương đối, khả quan có duy

trì được các tác động tích cực đến tình hình lạm phát.

Trong điều kiện và bối cảnh trên NHNN Việt Nam đã bám sát tình hình, chủ động điều hành các công cụ của CSIT theo hướng linh hoạt và thắt chặt để chủ động kiểm soát tổng phương tiện thanh toán và tín dụng, đồng thời áp dụng các biện pháp thích hợp để đảm bảo tính thanh khoản của nền kinh tế và hệ thống ngân hàng, trên cơ sở ổn định lãi suất, tỷ giá, giá vàng trên thị trường. Cụ thể các điều chỉnh chủ yếu của NHNN Việt Nam đã thực hiện trong thời gian qua:

- Tăng tỷ lệ Dự trữ bắt buộc thêm 1% từ tháng 1/2008, phát hành tín phiếu NHNN bắt buộc 20 - 300 tỷ đồng từ tháng 3/2008, tăng lãi suất tái cấp vốn, tái chiết khấu và nghiệp vụ thị trường mở lên mức 13 - 15%/năm để phù hợp với cung - cầu thị trường, ấn định lãi suất cơ bản cho thị trường, theo đó các TCTD xác định lãi suất kinh doanh không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do NHNN công bố (14%/năm).

- Điều chỉnh tăng biên độ tỷ giá mua bán USD của NHTM từ 0,75 lên 2%, kết hợp với điều hành linh hoạt tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng, tăng cường can thiệp mua bán ngoại tệ và kiểm tra các hoạt động kinh doanh ngoại tệ trên thị trường tự do.

- Điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở và tái cấp vốn trực tiếp cho các NHTM

gặp khó khăn về thanh toán, tăng cường giám sát hoạt động kinh doanh của các NHTM, nhất là các lĩnh vực cho vay kinh doanh chứng khoán, kinh doanh bất động sản... v.v. để đảm bảo tính an toàn cho cả hệ thống.

- Giám sát chặt chẽ thị trường tiền tệ, tăng cường thanh tra, kiểm tra đối với hệ thống các TCTD, chỉ đạo các TCTD điều chỉnh hoạt động, kinh doanh và cơ cấu tín dụng phù hợp với CSIT thắt chặt: Giảm khối lượng và tỷ trọng cho vay chi phí sản xuất sang cho vay sản xuất, xuất khẩu, nông nghiệp và nông thôn, cải tiến công tác dự báo, thống kê, thông tin, giám sát chặt chẽ luồng vốn vào, ra.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về CSIT và hoạt động NH để tạo sự đồng thuận của dân chúng và các doanh nghiệp. Thường xuyên trao đổi, thông tin kinh tế vĩ mô, CSIT với các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế lớn (IMF, WB, ADB...) để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và tránh hiểu sai và đưa thông tin không chính xác về Việt Nam.

Một số kiến nghị:

- Tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt nhưng phải linh hoạt. Tăng cường hơn nữa việc điều chỉnh khối lượng tiền cung ứng (gồm cả M_1 và M_2) và tín dụng ở mức hợp lý (cả khối lượng và tỷ trọng), mở rộng và tăng cường việc chỉ đạo các TCTD thay đổi cơ cấu tín dụng để tập trung vốn cho hoạt động SXKD, xuất khẩu, nông

ngiệp và nông thôn để duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý.

- Nắm bắt kịp thời diễn biến của thị trường tiền tệ, ngoại hối, tình hình thanh khoản của hệ thống Ngân hàng có biện pháp xử lý kịp thời, đảm bảo an toàn thanh toán của cả hệ thống.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp để ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, điều hành tỷ giá thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng một cách linh hoạt, tăng cường công tác kiểm tra và xử lý nghiêm các hoạt động mua bán ngoại tệ trên thị trường tự do, đẩy nhanh việc nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan chức năng để cho ra đời cơ chế

quản lý hoạt động sân giao dịch vòng.

- Rà soát, sửa đổi cơ chế cấp phép thành lập và hoạt động kinh doanh của các NHTM theo hướng tập trung, sáp nhập hình thành các Ngân hàng đủ lớn có thể cạnh tranh được với Ngân hàng nước ngoài khi Nhà nước cho phép tự do hoá tiền tệ. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng hoạt động của các TCTD, nhất là ở các trọng tâm kinh tế.

- Đẩy nhanh hơn tiến độ triển khai và cụ thể hoá Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt.

- Mở rộng và tăng cường phối kết hợp với các cấp, các ngành liên quan trong việc thông tin, tuyên truyền về tình hình kinh tế - xã hội, tình hình, thực thi CSTT quốc gia cả ở trong và ngoài nước để tạo tâm lý ổn định cho các nhà đầu tư và dân chúng.

- Nâng cao chất lượng công tác dự báo, xây dựng phương án xử lý các tình huống theo tác động của nền kinh tế thế giới và trong nước để chủ động thực hiện kịp thời các biện pháp ngăn ngừa, hạn chế hậu quả xấu, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng và an ninh tài chính./.

LÝ GIẢI VỀ NGUYÊN NHÂN ... (Tiếp theo trang 29)

thông tin dự báo kinh tế vĩ mô và công bố công khai, minh bạch. Cần có sự phối hợp nghiên cứu với các nhà khoa học để tìm giải pháp và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong điều hành chính sách. Xác định mục tiêu cụ thể có thứ tự ưu tiên, tránh tham vọng đạt được tất cả các mục tiêu rồi cuối cùng không hoàn thành mục tiêu nào. Xây dựng cơ chế giám sát, điều hành chính sách tiền tệ và thị trường

tài chính.

Việc tăng giá các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, than, điện cần phải được cân nhắc kỹ lưỡng thời điểm và phân tích tác động đối với lạm phát. Cần có biện pháp ổn định giá xăng dầu, lương thực và nguyên liệu khác trong một khoảng thời gian từ 6 tháng đến 1 năm thông qua các biện pháp quản trị rủi ro như phòng vệ giá xăng dầu, sử dụng các hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn hoặc

hoán đổi.

Kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô phải được xác định là mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, việc kiềm chế lạm phát cần được thực hiện có lộ trình, minh bạch, để ngân hàng và các tổ chức tín dụng có cơ hội chuẩn bị, tránh gây sốc cho hệ thống tài chính ngân hàng như trong thời gian vừa qua có thể đẩy nguy cơ khủng hoảng toàn hệ thống lên cao./.